

Số: 62 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 4 năm 2018

## BÁO CÁO

### Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm 2018

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: ..... 2941 .....
	Ngày: ..... 10.14.18 .....
	Chuyên: ..... Thực .....

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, UBND tỉnh công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm 2018, như sau:

#### 1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Mẫu số 59/CK-NSNN, Mẫu số 60/CK-NSNN):

Ước thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn 3 tháng đầu năm 2018 đạt 4.085 tỷ đồng, bằng 28% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 101% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

a) Thu nội địa ước đạt 3.828 tỷ đồng, bằng 27% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 99% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

\*) 10 khoản thu đảm bảo tiến độ thu theo dự toán HĐND tỉnh giao:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước đạt 2.806 tỷ đồng, bằng 28% dự toán năm, bằng 93% so với cùng kỳ năm 2017.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 104 tỷ đồng, bằng 33% dự toán năm, bằng 127% so với cùng kỳ năm 2017.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh ước đạt 427 tỷ đồng, bằng 28% dự toán năm, bằng 129% so với cùng kỳ năm 2017.

- Thuế thu nhập cá nhân ước đạt 92 tỷ đồng bằng 27% dự toán năm; thuế bảo vệ môi trường ước đạt 130 tỷ đồng, bằng 25% dự toán năm; thu phí, lệ phí ước đạt 37 tỷ đồng, bằng 35% dự toán năm; thu cấp quyền khai thác khoáng sản ước đạt 17 tỷ đồng, bằng 45% dự toán năm; lệ phí trước bạ 43 tỷ đồng bằng 27% dự toán năm; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết ước đạt 34 tỷ đồng, bằng 48% dự toán năm; thu khác ước đạt 47 tỷ đồng, bằng 34% dự toán năm.

\*) 2 khoản thu chưa đảm bảo tiến độ thu theo dự toán HĐND tỉnh giao: Khoản thu về nhà đất ước đạt 89 tỷ đồng, bằng 13% dự toán năm; thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản,... tại xã ước đạt 1,6 tỷ đồng, bằng 7% dự toán năm.

b) Thu hoạt động xuất nhập khẩu: Ước đạt 257 tỷ đồng, bằng 38% so dự toán năm và bằng 136% so với cùng kỳ năm 2017.

**2. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Mẫu số 59/CK-NSNN, Mẫu số 61/CK-NSNN):**

2.1. Ước chi cân đối ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm 2018 là 1.820 tỷ đồng, bằng 15% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 101% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

- a) Chi đầu tư phát triển: Ước đạt 309 tỷ đồng, bằng 10% so dự toán năm.
- b) Chi thường xuyên: Ước đạt 1.497 tỷ đồng, bằng 19% so dự toán năm, trong đó:
  - Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề ước đạt 564 tỷ đồng, bằng 19% dự toán năm.
  - Chi đảm bảo xã hội ước đạt 212 tỷ đồng, bằng 40% dự toán năm.
  - Các khoản chi đạt thấp như: Chi sự nghiệp môi trường ước đạt 24 tỷ đồng, bằng 14% dự toán năm; chi sự nghiệp khoa học và công nghệ ước đạt 4,9 tỷ đồng, bằng 14% dự toán năm; chi sự nghiệp y tế ước đạt 108 tỷ đồng, bằng 12% dự toán năm; chi sự nghiệp kinh tế ước đạt 103 tỷ đồng, bằng 8% dự toán năm.
- c) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,14 tỷ đồng.
- d) Chi dự phòng ngân sách tỉnh: 13,3 tỷ đồng.

2.2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP 69 tỷ đồng, bằng 4% dự toán năm; chủ yếu chi thực hiện các chương trình dự án quan trọng 69 tỷ đồng bằng 6% dự toán năm.

Nhìn chung, chi ngân sách 3 tháng đầu năm 2018 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao; tập trung thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán; đồng thời bổ sung chi một số nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan Quảng Ngãi;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, KT.dat161.



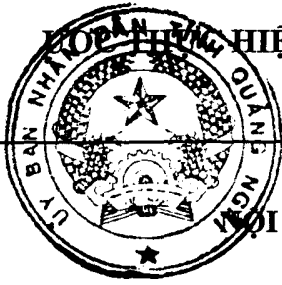
**Trần Ngọc Căng**



QUẢN LÝ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 3 THÁNG NĂM 2018

*ĐVT: triệu đồng*

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC THỰC HIỆN 3 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>14.655.000</b>	<b>4.085.048</b>	<b>28%</b>	<b>101%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>14.655.000</b>	<b>4.085.048</b>	<b>28%</b>	<b>101%</b>
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	13.985.000	3.828.280	27%	99%
2	Thu từ dầu thô		0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	670.000	256.768	38%	136%
4	Thu viện trợ		0		
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>13.988.686</b>	<b>1.889.071</b>	<b>14%</b>	<b>106%</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>12.199.382</b>	<b>1.819.964</b>	<b>15%</b>	<b>102%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	3.046.950	308.504	10%	97%
2	Chi thường xuyên	7.970.082	1.497.020	19%	102%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương	67			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100%	
5	Chi dự phòng ngân sách	240.888	13.300		
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	940.255			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho</b>	<b>1.789.304</b>	<b>69.107</b>	<b>4%</b>	<b>246%</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSNN/BỘI THU NSDP</b>				
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>				



HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 THÁNG NĂM 2018

DVT: triệu đồng

TT	MÔI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC THỰC HIỆN 3 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A)+(B)</b>	<b>14.655.000</b>	<b>4.085.048</b>	<b>28%</b>	<b>101%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>13.985.000</b>	<b>3.828.280</b>	<b>27%</b>	<b>99%</b>
1	Thu từ DNNN	10.081.000	2.806.014	28%	93%
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	310.000	103.552	33%	127%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.540.000	427.774	28%	129%
4	Thuế thu nhập cá nhân	340.000	92.332	27%	101%
5	Thuế bảo vệ môi trường	520.000	130.493	25%	115%
6	Lệ phí trước bạ	160.000	43.158	27%	121%
7	Thu phí, lệ phí	105.000	37.154	35%	120%
8	Các khoản thu về nhà, đất	664.000	88.836	13%	99%
	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>		3		14%
	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	4.600	364	8%	249%
	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	600.000	80.047	13%	94%
	<i>Thu cho thuê mặt đất, mặt nước</i>	59.400	8.206	14%	214%
	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>		216		33%
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	38.000	16.986	45%	301%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DNNN				
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	70.000	33.884	48%	193%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản,... tại xã	22.000	1.567	7%	53%
13	Thu khác	135.000	46.530	34%	221%
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>				
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>670.000</b>	<b>256.768</b>	<b>38%</b>	<b>136%</b>
1	Thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu	555.000	220.812	40%	138%
2	Thuế xuất khẩu	87.000	26.849	31%	120%
3	Thuế nhập khẩu	28.000	9.054	32%	151%
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu		39		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng nhập khẩu				0%
6	Thu khác		14		35%
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>12.044.382</b>	<b>3.309.356</b>	<b>27%</b>	<b>113%</b>
1	Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ 88%	10.898.782	3.035.167	28%	
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.145.600	274.189	24%	



HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 3 THÁNG NĂM 2018

*DVT: triệu đồng*

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC THỰC HIỆN 3 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)</b>	<b>13.988.686</b>	<b>1.889.071</b>	<b>14%</b>	<b>103%</b>
A	<b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>12.199.382</b>	<b>1.819.964</b>	<b>15%</b>	<b>101%</b>
I	Chi đầu tư phát triển	3.046.950	308.504	10%	97%
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.016.950	308.504	10%	97%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	30.000		0%	
II	Chi thường xuyên	7.970.082	1.497.020	19%	102%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi sự nghiệp Giáo dục-đào tạo-dạy nghề	2.952.097	564.319	19%	105%
2	Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ	35.646	4.867	14%	121%
3	Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	913.800	107.594	12%	108%
4	Chi sự nghiệp Văn hóa-thể thao-du lịch	171.201	17.547	10%	112%
5	Chi sự nghiệp Phát thanh-truyền hình	40.256	9.625	24%	87%
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	172.979	23.968	14%	92%
7	Chi sự nghiệp kinh tế	1.300.328	103.381	8%	97%
8	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.560.543	379.171	24%	100%
9	Chi đảm bảo xã hội	529.214	212.357	40%	96%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	67			
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100%	100%
V	Chi dự phòng ngân sách	240.888	13.300		
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	940.255			
B	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>1.789.304</b>	<b>69.107</b>	<b>4%</b>	<b>246%</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	478.669		0%	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.226.524	69.107	6%	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	84.111		0%	